TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Dũng.

2. Ông Phạm Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Vủ L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: Khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Vủ L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên gia đình không tổ chức đám cưới hỏi, chung sống cùng nhau từ năm 2019. Sau đó, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) năm 2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông sinh sống cùng nhau ở nhiều nơi do đi làm thuê, có sống chung cùng nhau ở tỉnh Đồng Nai khoảng 02 năm. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn tới thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Khoảng năm 2021, thì bà T đưa con nhỏ về quê, sinh sống tại nhà mẹ ruột của bà T ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Kể từ đó cho đến nay vợ chồng ông không còn sống chung, bà T chặn mọi liên lạc, không cho ông gặp gỡ con. Nay do mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, ông không còn tình cảm với bà T nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là cháu Trần Tuệ L1, sinh ngày 05/8/2020. Ly hôn, ông đề nghị giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Trường hợp bà T không có yêu cầu ông phải cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý. Hiện nay con đang sống với bà T tại tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2026 bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Vủ L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quá trình chung sống không có hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay bà và ông L không sống chung, nay bà không còn tình cảm với ông L nên bà đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là cháu Trần Tuệ L1, sinh ngày 05/8/2020. Ly hôn, bà trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Từ năm 2022 đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc con, ông L không thăm hỏi, quan tâm gì đến con. Bà làm công việc tự do nhiều ngành nghề thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Hiện nay bà và cháu L1 đang sống với mẹ ruột của bà tại tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa, bà được mẹ và chị gái phụ giúp chăm con nên có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bà T xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên

đơn ông Trần Vủ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn có nơi cư trú ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Ngày 30/3/2026, bị đơn có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57 ngày 20/8/2020 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông L trình bày: Ông và bà T chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Khoảng từ năm 2021 đến nay, ông và bà T không còn sống chung, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai có ý định hàn gắn quay lại. Bà T biết ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà T đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà T có 01 con chung là cháu Trần Tuệ L1. Ly hôn, ông L đề nghị giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thấy rằng: Sau khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không sống chung với nhau cho đến nay cháu L1 do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T làm công việc tự do nhiều ngành nghề thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng và còn được mẹ, chị gái phụ giúp chăm con nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu L1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Tôi không yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Ông L, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Vủ L.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Vủ L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tuệ L1, sinh ngày 05/8/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông Trần Vủ L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Trần Vủ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000432 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số: 57, ngày 20/8/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệu